

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-7-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xuân Thu;

Ông Nguyễn Ngọc Giao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm S, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

Bị đơn: Anh Bùi Văn T1, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm S, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04-5-2024, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phùng Thị T trình bày: Chị và anh Bùi Văn T1 tự nguyện tìm hiểu đã được Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07-3-2008. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp

nhau và không có cùng quan điểm sống. Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Tuấn N, sinh ngày 21-11-2008, hiện đang ở với chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn T1; chị T nhận nuôi con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại bản tự khai ngày 06-5-2024, cháu N có nguyện vọng muốn ở chị T.

Tại biên bản làm việc ngày 29-5-2024, bà Roãn Thị V trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Bùi Văn T1. Năm 2008, chị Phùng Thị T và anh Bùi Văn T1 đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T1 thường phải đi làm xa chị T không chung thủy. Anh T1 và chị T có 01 con chung là Bùi Tuấn N, sinh ngày 21-11-2008. Hiện nay anh T1 đang đi làm xa không về Tòa án để làm việc được, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản làm việc ngày 03-5-2024, đại diện chính quyền địa phương xã G cung cấp: Chị Phùng Thị T và anh Bùi Văn T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G vào năm 2008. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên không hợp nhau. Chị T và anh T1 có 01 con chung; vợ chồng không vướng mắc gì về kinh tế đối với địa phương. Nay chị T có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa chị Phùng Thị T và anh Bùi Văn T1. Giao chị Phùng Thị T trực tiếp nuôi con chung là Bùi Tuấn N, sinh ngày 21-11-2008. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị T và anh Bùi Văn T1 tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G vào ngày 07-3-2008 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa chị T và anh T1 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên chị T nộp đơn ly hôn với anh T1. Đối với anh T1 vắng mặt, không có văn bản thể hiện ý kiến phản hồi trước yêu cầu ly hôn của chị T; cho thấy bị đơn đã không quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 mâu thuẫn đã trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, chấp nhận nguyện vọng của chị T xin ly hôn anh T1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là Bùi Tuấn N, sinh ngày 21-11-2008, hiện đang ở với chị T. Căn cứ nguyện vọng của đương sự, con chung và để đảm bảo sự phát triển tốt nhất của con chung; vì vậy giao chị Phùng Thị T trực tiếp nuôi 01 con chung là Bùi Tuấn N, sinh ngày 21-11-2008; chấp nhận sự tự nguyện chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T, anh T1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Phùng Thị T và anh Bùi Văn T1.

2. Về con chung: Giao chị Phùng Thị T trực tiếp nuôi con chung là Bùi Tuấn N, sinh ngày 21-11-2008. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn: Chị Phùng Thị T phải nộp 300.000 đồng. Chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0004578 ngày 24-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy; nay đối trừ, chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn T1 có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã Giao Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Trần Thị Thu Hiền

